

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1988 /QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 15 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phân bổ kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 cho
Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào
dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021
đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy
định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính
phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai
đoạn 2021-2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính
phủ về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 03 chương
trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của HĐND tỉnh phê
duyet chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã
hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn
I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;*

*Căn cứ Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của HĐND tỉnh
ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung
ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục
tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền
núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn
tỉnh Khánh Hòa;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số
2310/SKHĐT-TH ngày 01/7/2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 cho Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa theo Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Các sở: Y tế, Giáo dục và Đào tạo; UBND các huyện, thị xã, thành phố: Khánh Vĩnh, Khánh Sơn, Cam Lâm, Diên Khánh, Ninh Hòa và Cam Ranh có trách nhiệm hoàn thiện thủ tục đầu tư theo quy định.

2. UBND các huyện, thị xã, thành phố: Khánh Vĩnh, Khánh Sơn, Cam Lâm, Diên Khánh, Ninh Hòa và Cam Ranh có trách nhiệm bố trí vốn đối ứng ngân sách huyện, đảm bảo đầu tư hoàn thành các công trình theo mục tiêu, quy mô được duyệt.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Y tế, Giáo dục và Đào tạo; Trưởng ban Ban Dân tộc; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố: Khánh Vĩnh, Khánh Sơn, Cam Lâm, Diên Khánh, Ninh Hòa, Cam Ranh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2, 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KHĐT, TC;
- Ủy ban Dân tộc;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Pháp chế - HĐND tỉnh;
- Ban Dân tộc – HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, TL, TLe.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tấn Tuấn

Phụ lục 1

PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIẾU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH KHÁNH HOÀ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

DVT: Triệu đồng

S T T	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Dự kiến phân bổ kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025				
					Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		
							Tổng số	NS tỉnh	NS huyện
	TỔNG SỐ				388.378	337.720	50.658	37.950	12.708
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt				29.738	25.859	3.879	2.715	1.164
	Phân bổ cho các địa phương								
1	Hỗ trợ đất ở			504	504	440	64	45	19
	- Hỗ trợ đất ở huyện Cam Lâm		2022-2025	269	269	233	36	25	11
	- Hỗ trợ đất ở thành phố Cam Ranh		2022-2025	122	122	108	14	10	4
	- Hỗ trợ đất ở huyện Diên Khánh		2022-2025	113	113	99	14	10	4
2	Hỗ trợ nhà ở			16.946	16.946	14.735	2.211	1.547	664
	- Hỗ trợ nhà ở huyện Khánh Vĩnh		2022-2025	3.984	3.984	3.464	520	364	156
	- Hỗ trợ nhà ở huyện Khánh Sơn		2022-2025	8.950	8.950	7.789	1.161	810	351
	- Hỗ trợ nhà ở huyện Cam Lâm		2022-2025	929	929	808	121	85	36
	- Hỗ trợ nhà ở huyện Diên Khánh		2022-2025	132	132	108	24	19	5
	- Hỗ trợ nhà ở thị xã Ninh Hòa		2022-2025	639	639	556	83	58	25
	- Hỗ trợ nhà ở thành phố Cam Ranh		2022-2025	2.312	2.312	2.010	302	211	91
3	Hỗ trợ đất sản xuất				3.775	3.281	494	346	148
	- Hỗ trợ đất sản xuất huyện Khánh Vĩnh		2022-2025	2.880	2.880	2.504	376	263	113
	- Hỗ trợ đất sản xuất huyện Cam Lâm		2022-2025	215	215	187	28	20	8
	- Hỗ trợ đất sản xuất huyện Diên Khánh		2022-2025	52	52	45	7	5	2
	- Hỗ trợ đất sản xuất thị xã Ninh Hòa		2022-2025	488	488	424	64	45	19
	- Hỗ trợ đất sản xuất thành phố Cam Ranh		2022-2025	140	140	121	19	13	6
4	Hỗ trợ nước sinh hoạt				8.513	7.403	1.110	777	333
4.1	Huyện Khánh Vĩnh			3.869	3.869	3.365	504	353	151
	- Mở rộng Hệ thống cấp nước thôn Bắc Sông Giang	Xã Khánh Trung	2022-2023	3.869	3.869	3.365	504	353	151
4.2	Huyện Khánh Sơn			2.322	2.322	2.019	303	212	91

S T T	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Dự kiến phân bổ kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025				
					Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		
							Tổng số	NS tỉnh	NS huyện
-	Đầu tư nối mạng nước sinh hoạt khép kín các khu dân cư	Xã Sơn Bình	2022	2.322	2.322	2.019	303	212	91
4.3	<i>Huyện Cam Lâm</i>			774	774	673	101	71	30
-	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Sơn Tân	Xã Sơn Tân	2022-2025	774	774	673	101	71	30
4.4	<i>Thành phố Cam Ranh</i>			1.548	1.548	1.346	202	141	61
-	Công trình nối mạng hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn Suối Rua, xã Cam Thịnh Tây vào hệ thống cấp nước do Công ty CP Đô thị Cam Ranh quản lý	Cam Thịnh Tây	2022-2025	1.548	1.548	1.346	202	141	61
11	Dự án 4 - Tiểu dự án 1: Đầu tư CSHT thiết yếu, phục vụ sản xuất đời sống				267.964	233.012	34.952	25.178	9.774
1	<i>Phân bổ cho các sở, ban, ngành</i>				18.121	15.758	2.363	2.363	
	Xây mới Trạm y tế xã Khánh Hiệp	Xã Khánh Hiệp	2023	3.775	3.775	3.283	492	492	
	Nâng cấp, sửa chữa Trạm Y tế xã		2022-2024	14.346	14.346	12.475	1.871	1.871	
2	<i>Phân bổ cho các địa phương</i>				223.357	215.104	8.253	6.886	1.367
2.1	Huyện Khánh Vĩnh				109.074	109.074			
2.1.1	<i>Đầu tư đường đến trung tâm xã</i>								
	Đường Trung tâm xã đoạn từ UBND xã đến Khu tái định cư thôn Bồ Lang, xã Sơn Thái	Xã Sơn Thái	2023	1.970	1.970	1.970			
2.1.2	Xây dựng chợ Liên Sang	Xã Liên Sang	2023-2024	4.154	4.154	4.154			
2.1.3	<i>Đầu tư cơ sở hạ tầng xã ĐBK, thôn ĐBK</i>								
1	Đường rẽ nhánh Khánh Lê - Lâm Đồng, điem từ tràn đến rẫy ông Hà Choang	Giang Ly	2022	2.000	2.000	2.000			
2	Đường vào khu sản xuất từ đầu cầu Gia Lổ đến rẫy ông Hà Vương, xã Sơn Thái	Xã Sơn Thái	2022	1.000	1.000	1.000			
3	Đường vào khu sản xuất từ rẫy ông Hà Văn đến rẫy ông Đinh Xuân Hường	Thôn Bồ Lang, xã Sơn Thái	2022	1.000	1.000	1.000			
4	Đường sản xuất thôn Tà Mơ 1 (Đoạn Tà Mơ 2 giáp đường Khánh Thành đi thị trấn)	Xã Khánh Thành	2022	1.000	1.000	1.000			
5	Đường vào khu sản xuất từ đất ông Cao Văn Nuôi đến đất ông Cao Văn Hường	Xã Khánh Trung	2022	1.050	1.050	1.050			
6	Nâng cấp, sửa chữa đường vào khu sản xuất Suối A Pan	Xã Cầu Bà	2022	1.000	1.000	1.000			
7	Nâng cấp, sửa chữa đường vào khu sản xuất Suối Asay	Xã Cầu Bà	2022	1.000	1.000	1.000			
8	Đường vào khu sản xuất Suối Gọp, xã Liên Sang	Xã Liên Sang	2022	2.000	2.000	2.000			
9	Tiếp tuyến đường từ bãi rác vào khu sản xuất kho cối	Xã Khánh Thượng	2022	1.100	1.100	1.100			
10	Tuyến đường từ nhà ông Hà Bón đến nhà ông Cao Nghem, xã Khánh Thượng	Xã Khánh Thượng	2022	1.000	1.000	1.000			
11	Tuyến đường từ ngã 3 đất ông Vũ Quang Minh vào khu sản xuất (đốc gù) đến đất bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết, xã Khánh Nam	Xã Khánh Nam	2022	2.000	2.000	2.000			

S T T	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Dự kiến phân bổ kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025				
					Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		
							Tổng số	NS tỉnh	NS huyện
12	Tuyến B2 tuyến đường từ nhà ông Trần Trọng Tài đến đất ông Cao Văn Huy thôn Ba Cánh (B2), xã Khánh Hiệp	Xã Khánh Hiệp	2022	1.000	1.000	1.000			
13	Đường từ ông Xi Ngân đi Xi Gia thôn Nước Nhĩ, xã Khánh Phú	Xã Khánh Phú	2022	1.000	1.000	1.000			
14	Bê tông hóa đường Cao Chua đi ông Chính	Xã Khánh Phú	2022	1.000	1.000	1.000			
15	Đường vào khu sản xuất Bến Khê từ nhà ông Mang Mẩn đến rẫy ông Nguyễn Ngọc Phan, xã Khánh Bình	Xã Khánh Bình	2022	1.200	1.200	1.200			
16	Đường vào khu sản xuất Bến Lễ từ rẫy ông Nguyễn Đình Hiếu đến rẫy ông Cao Văn Luyện, xã Khánh Bình.	Xã Khánh Bình	2022	1.200	1.200	1.200			
17	Sửa chữa, nâng cấp đường bê tông từ nhà ông Việt đến nhà ông Tiến, tổ 3, Thị trấn Khánh Vĩnh	Tổ 3, TT Khánh Vĩnh	2022	820	820	820			
18	Sửa chữa, nâng cấp đường từ rẫy ông Huỳnh đi khu sản xuất, tổ 5, Thị trấn Khánh Vĩnh	Tổ 5, TT Khánh Vĩnh	2022	1.120	1.120	1.120			
19	Đường vào khu sản xuất Suối Gia Lồ từ hộ ông Mười đến hộ ông Duy	Xã Sơn Thái	2022	1.000	1.000	1.000			
20	Đường khu dân cư Giồng Cạo thôn Tà Mơ, xã Khánh Thành	Xã Khánh Thành	2022	1.000	1.000	1.000			
21	Đường vào khu sản xuất từ hộ ông Hà Thương đến hộ ông Cao Ri Sơn	Xã Sơn Thái	2022-2023	1.000	1.000	1.000			
22	Đường từ nhà ông Tạch Văn Du đến đất bà Vũ Thị Miên, xã Khánh Trung	Xã Khánh Trung	2023	1.200	1.200	1.200			
23	Đường từ suối Lau đi Chà Là, xã Khánh Trung	Xã Khánh Trung	2023	1.200	1.200	1.200			
24	Đường vào khu sản xuất từ rẫy ông Hà Gôi đến rẫy Bà Ca Thị Nương	Xã Cầu Bà	2023	1.000	1.000	1.000			
25	Đường vào khu sản xuất từ cầu treo đến rẫy ông Hà Thúy, xã Cầu Bà	Xã Cầu Bà	2023	1.000	1.000	1.000			
26	Nối tuyến đường vào khu sản xuất Gia Ngoé, xã Liên Sang	Xã Liên Sang	2023	2.000	2.000	2.000			
27	Đường từ cống tràn suối Dầu vào khu sản xuất suối Dầu, xã Khánh Thượng	Xã Khánh Thượng	2023	1.000	1.000	1.000			
28	Đường từ cống tràn qua nhà Ka Tơ Búi đến khu nhà ông Pi Năng Diệu	Xã Khánh Thượng	2023	1.000	1.000	1.000			
29	Đường vào khu sản xuất từ cầu treo thôn 6 đi xã Khánh Trung, xã Khánh Nam	Xã Khánh Nam	2023	2.000	2.000	2.000			
30	Tuyến C5 từ đường đất ông Cao Ngọc Banh đến giáp Sông Chò (C5), xã Khánh Hiệp	Xã Khánh Hiệp	2023	1.000	1.000	1.000			
31	Nâng cấp và sửa chữa đường ông Bách đi trại Cá tầm	Xã Khánh Phú	2023	1.000	1.000	1.000			
32	Bê tông hóa đường Ly Tân đi Cao Là Miên	Xã Khánh Phú	2023	1.000	1.000	1.000			
33	Đường từ đất Cao Văn Đượng đến đất Cao Văn Lộc, thôn Suối Thơm, xã Khánh Đông	Thôn Suối Thơm, xã Khánh Đông	2023	600	600	600			
34	Đường vào khu sản xuất từ hộ ông Trung đến hộ ông Hà Na, xã Sơn Thái	Xã Sơn Thái	2023	1.000	1.000	1.000			

S T T	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Dự kiến phân bổ kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025				
					Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		
							Tổng số	NS tỉnh	NS huyện
35	Kè chống sạt lở từ hộ ông Hà Môn đến hộ ông Hà Vãng	Xã Sơn Thái	2023	1.000	1.000	1.000			
36	Dự án đường sản xuất suối Siêu (Đoạn từ rẫy ông Cao Khiêm tới rẫy ông Cao Xuân)	Xã Khánh Thành	2023	1.000	1.000	1.000			
37	Đường vào khu sản xuất từ rẫy ông Hà Biết đến rẫy ông Hà Bước	Xã Cầu Bà	2023	1.000	1.000	1.000			
38	Đường vào khu sản xuất từ rẫy ông Hà Rì đến rẫy ông Cha Kha	Xã Cầu Bà	2023	1.000	1.000	1.000			
39	Đường vào khu sản xuất Gia Lê, xã Liên Sang	Xã Liên Sang	2023	2.000	2.000	2.000			
40	Tuyến H13 Từ điểm giữa T4 (nhà ông H Trây Y Dìn) đến khu ruộng suối Nước Nóng (H13)	Xã Khánh Hiệp	2023	1.000	1.000	1.000			
41	Bê tông hóa đường Cao Hiệp đi Cao Là Niên	Xã Khánh Phú	2023	1.000	1.000	1.000			
42	Đường vào khu sản xuất Ba Dùi từ TL 8 nhà bà Lê Thị Phương Dung đến ruộng ông Lý Văn Cải	Xã Khánh Bình	2023	1.200	1.200	1.200			
43	Đường KSX thôn Bến Khế từ Nghĩa trang Bến Khế đến rẫy ông Nguyễn Quốc Dũng	Xã Khánh Bình	2023	1.200	1.200	1.200			
44	Đường vào KSX thôn Ba Dùi từ ngã ba rẫy ông Cao Sơn Dục đến rẫy ông Y Bloan	Xã Khánh Bình	2023	1.200	1.200	1.200			
45	Nâng cấp, sửa chữa đường từ đất ông Bùi Quang Khanh đến đất bà Phạm Thị Hòa, thôn Suối Thơm, xã Khánh Đông	Thôn Suối Thơm, xã Khánh Đông	2023	600	600	600			
46	Nối tiếp rẽ nhánh Khánh Lê - Lâm Đồng, điểm từ rẫy ông Hà Choang đến thác Đá Tây.	Xã Giang Lý	2024	2.000	2.000	2.000			
47	Đường vào khu sản xuất từ hộ ông Nhơn đến hộ ông Hà Na	Xã Sơn Thái	2024	1.000	1.000	1.000			
48	Kè chống sạt lở từ hộ ông Đà Lân đến hộ bà Cà Ứng	Xã Sơn Thái	2024	1.000	1.000	1.000			
49	Đường vào khu sản xuất từ rẫy ông Nguyễn Đình Hùng đi Chà Là, xã Khánh Trung	Xã Khánh Trung	2024	1.200	1.200	1.200			
50	Đường từ rẫy ông Cao Là Hiên đến giáp đường Mè Tây, xã Khánh Trung	Xã Khánh Trung	2024	1.000	1.000	1.000			
51	Nâng cấp sửa chữa đường vào khu sản xuất sau trạm bảo vệ rừng, xã Cầu Bà	Xã Cầu Bà	2024	1.000	1.000	1.000			
52	Đường vào khu sản xuất suối a say, thôn Đá Trắng, xã Cầu Bà	Xã Cầu Bà	2024	1.000	1.000	1.000			
53	Nối tuyến đường Suối Cua, xã Liên Sang	Xã Liên Sang	2024	2.000	2.000	2.000			
54	Đường từ rẫy ông Pi Năng Đa Vít vào khu sản xuất suối Đa Trang, xã Khánh Thượng	Xã Khánh Thượng	2024	1.000	1.000	1.000			
55	Đường từ đường BTXM thác Hòm vào khu sản xuất suối Lai	Xã Khánh Thượng	2024	1.000	1.000	1.000			
56	Đường từ đất ông Lê Thảo đến đất ông Nguyễn Phi Long, xã Khánh Nam	Xã Khánh Nam	2024	2.000	2.000	2.000			

S T T	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Dự kiến phân bổ kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025				
					Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		
							Tổng số	NS tỉnh	NS huyện
57	Tuyến B1 Tuyến đường từ điểm ngã tư Cầu treo Hòn Lay (T5) đến TL8B (nhà ông Y Trung) thôn Ba Căng (B1), xã Khánh Hiệp	Xã Khánh Hiệp	2024	2.000	2.000	2.000			
58	Bê tông hóa đường Cao Dũng đi Suối Lau	Xã Khánh Phú	2024	1.000	1.000	1.000			
59	Bê tông hóa đường Cao Linh đi C19	Xã Khánh Phú	2024	1.000	1.000	1.000			
60	Xây dựng đường KSX Ba Dùi từ rẫy ông Cao Mà Lú đến rẫy ông Cao Văn Ngân	Xã Khánh Bình	2024	1.050	1.050	1.050			
61	Xây dựng đường sản xuất từ tỉnh lộ 8 đến rẫy ông Y Niết	Xã Khánh Bình	2024	1.200	1.200	1.200			
62	Sửa chữa, nâng cấp đường từ nhà ông Cường đi khu sản xuất, Thị trấn Khánh Vĩnh	Tổ 3. Thị trấn Khánh Vĩnh	2024-2025	600	600	600			
63	Trường Tiểu học Khánh Hiệp I (Điểm chính). Hạng mục: Xây dựng cổng, tường rào, sân, nhà xe	Xã Khánh Hiệp	2024	950	950	950			
64	Trường Tiểu học Khánh Hiệp I (Điểm Cà Thiểu). Hạng mục: Xây dựng cổng, tường rào, sân, nhà xe	Xã Khánh Hiệp	2024	950	950	950			
65	Nối tiếp đường vào khu sản xuất Đá Tây, điểm đầu từ rẫy ông Hà Ba đến rẫy ông Hà Đa.	Xã Giang Ly	2025	2.000	2.000	2.000			
66	Đường vào khu sản xuất đồng Bến Lợi (từ hộ ông Hà Đây đến hộ ông Cao Cà Ma)	Xã Sơn Thái	2025	823	823	823			
67	Kè chống sạt lở từ hộ ông Hà Choang đến hộ ông Trung	Xã Sơn Thái	2025	1.000	1.000	1.000			
68	Dự án đường vào khu đồng ruộng Ma lý Thượng	Xã Khánh Thành	2025	943	943	943			
69	Đường sản xuất Ma Lý đi suối Đá, xã Khánh Thành	xã Khánh Thành	2025	994	994	994			
70	Đường từ rẫy ông Cao Là Hiên đến giáp đường Mè Tây, xã Khánh Trung	Xã Khánh Trung	2025	1.000	1.000	1.000			
71	Đường vào khu sản xuất từ rẫy ông Lương Văn Mèn đến rẫy ông Cao Văn Gương	Xã Khánh Trung	2025	1.000	1.000	1.000			
72	Kè chống sạt lở từ nhà ông Hà Giáp đến nhà ông Hà Ri	Xã Cầu Bà	2025	1.200	1.200	1.200			
73	Đường vào khu sản xuất Đá Bàn từ rẫy ông Hà Lanh đến rẫy Hà Xuyên, xã Cầu Bà	Xã Cầu Bà	2025	1.090	1.090	1.090			
74	Nối tiếp tuyến đường A Quây Thủy vào đồng ruộng, xã Khánh Thượng	Xã Khánh Thượng	2025	1.000	1.000	1.000			
75	Đường từ đất ông Cao Xuân Dừa đến đất Nguyễn Đại Hà, xã Khánh Nam	Xã Khánh Nam	2025	1.500	1.500	1.500			
76	Nối tiếp tuyến đường từ nhà bà Nguyễn Thị Bích Phượng vào khu sản xuất Sông Chò, xã Khánh Hiệp	Xã Khánh Hiệp	2025	850	850	850			
77	Tuyến H16 Từ TL8B (đổi diện đất ông Tý) đến H8 (H16)	Xã Khánh Hiệp	2025	850	850	850			
78	Đường nối C19 đi Suối Cù thôn Ngã Hai, xã Khánh Phú	Xã Khánh Phú	2025	880	880	880			

S T T	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Dự kiến phân bổ kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025				
					Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		
							Tổng số	NS tỉnh	NS huyện
79	Bê tông hóa đường Cao Thiệp đi Cao Cà Địa	Xã Khánh Phú	2025	880	880	880			
80	Xây dựng đường sản xuất từ tỉnh lộ 8 đến nhà ông Cao Văn Phương	Xã Khánh Bình	2025	1.000	1.000	1.000			
81	Xây dựng đường từ rẫy ông Cao Văn Thanh đến rẫy ông Cao Sơn Dục. xã Khánh Bình	Xã Khánh Bình	2025	1.200	1.200	1.200			
82	Trường Tiểu học Khánh Trung (Điểm Bắc Sông Giang). Hạng mục: Xây dựng công, tường rào, sân, nhà xe	Xã Khánh Trung	2025	950	950	950			
83	Trường Mầm non Hoa Hồng (Điểm Tà Mơn). Hạng mục: Xây dựng công, tường rào, sân, san nền cục bộ	Xã Khánh Thành	2025	1.200	1.200	1.200			
84	Trường Mầm non Hoa Mai (Điểm Đa Râm). Hạng mục: Xây dựng công, tường rào, sân.	Xã Khánh Thượng	2025	950	950	950			
85	Nâng cấp đường vào khu sản xuất Đá Trắng. xã Cầu Bà	Xã Cầu Bà	2025	1.200	1.200	1.200			
86	Đường từ đất rẫy ông Hà Đa đến rẫy ông Cao Trung	Thôn Bầu Sang, xã Liên Sang	2025	1.100	1.100	1.100			
87	Nâng cấp, Sửa chữa Đường BTXM Suối Tre đến Hồ Thủy Lợi	Xã Liên Sang	2025	1.200	1.200	1.200			
88	Đường vào khu sản xuất từ rẫy ông Mã Nghi đến rẫy ông Cao Cà Ma	Thôn Bồ Lang, xã Sơn Thái	2025	1.100	1.100	1.100			
89	Tuyến H17 từ điểm giữa T6 (đất nhà ông Y Hạnh) đến chân đồi Chí Tôn (H17), xã Khánh Hiệp	Xã Khánh Hiệp	2025	1.200	1.200	1.200			
90	Đường vào khu sản xuất suối Là Bó (từ đất rẫy ông A Chá đến đất ông Cao Ty), xã Liên Sang	xã Liên Sang	2025	1.200	1.200	1.200			
2.2	Huyện Khánh Sơn				78.570	74.949	3.621	3.621	
2.2.1	<i>Đầu tư đường liên xã</i>								
	Nâng cấp, mở rộng đường liên xã Sơn Trung đi Ba Cùm Bắc	Sơn Trung - Ba Cùm Bắc	2023	2.570	2.570	2.570			
2.2.2	<i>Đầu tư cơ sở hạ tầng xã ĐBKK, thôn ĐBKK</i>								
1	Đường BTXM thôn Apa 1 đi khu sản xuất	Xã Thành Sơn	2022	1.000	1.000	1.000			
2	Nối tiếp Đường BTXM từ nhà cộng đồng Apa 1 đi khu sản xuất	Xã Thành Sơn	2022	1.000	1.000	1.000			
3	Nâng cấp đường BTXM thôn Ha Hít, xã Sơn Lâm (Đoạn từ nhà ông Võ Tiên Hoàng đến nhà ông Tài)	Xã Sơn Lâm	2022	1.000	1.000	1.000			
4	Nâng cấp, mở rộng trục đường chính thôn Du Oai, xã Sơn Lâm (Đoạn từ nhà ông Tú đến nhà ông Cao Đình)	Xã Sơn Lâm	2022	1.000	1.000	1.000			
5	Sửa chữa phòng học trường mầm non Vành Khuyên	Xã Sơn Bình	2022	1.000	1.000	1.000			

S T T	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Dự kiến phân bổ kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025				
					Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		
							Tổng số	NS tỉnh	NS huyện
6	Đường vào khu sản xuất từ rẫy Bà Tro Thị Hiền Đến rẫy bà Cao Thị Danh	Xã Sơn Bình	2022	1.000	1.000	1.000			
7	Đường từ rẫy ông Bình đi khu cánh đồng Tà Gụ	Xã Sơn Hiệp	2022	1.000	1.000	1.000			
8	Nối tiếp Đường BTXM thôn Hòn Dung	Xã Sơn Hiệp	2022	1.000	1.000	1.000			
9	Làm đường BTXM vào KSX nghĩa địa thôn Chi Chay	Xã Sơn Trung	2022	1.000	1.000	1.000			
10	Làm đường BTXM từ bãi rác đến rẫy ông Tùng thôn Ma O xã Sơn Trung	Xã Sơn Trung	2022	1.000	1.000	1.000			
11	Nối tiếp đườn BTXM khu 21 hộ đến trần Ông Lũng	Thị trấn Tô Hạp	2022	800	800	800			
12	Đường BTXM từ Bia khảo cổ Dốc Gạo vào khu sản xuất, dân sinh	Thị trấn Tô Hạp	2022	1.200	1.200	1.200			
13	Nối tiếp từ suối Lò Ô đi khu sản xuất xóm 4 thôn Dốc Trầu	Xã Ba Cùm Bắc	2022	1.000	1.000	1.000			
14	Nối tiếp tuyến đường từ xóm 14 đi khu sản xuất thôn A Thi, xã Ba Cùm Bắc	Xã Ba Cùm Bắc		1.000	1.000	1.000			
15	Nâng cấp đường BTXM từ rẫy ông Dũng Bút đến ngã ba thôn Hòn Gắm	Xã Ba Cùm Nam	2022	1.000	1.000	1.000			
16	Kè chống sạt lở thôn Tà Giang 1	Xã Thành Sơn	2022-2023	2.000	2.000	2.000			
17	Xây dựng tường rào, nhà vệ sinh, sân bóng đá mini cỏ nhân tạo	Xã Thành Sơn	2023	3.000	3.000	3.000			
18	Nâng cấp, mở rộng bên phải và bên trái cầu Ko Róa mới vào KSX xã Sơn Lâm	Xã Sơn Lâm	2023	2.000	2.000	2.000			
19	Nối tiếp đường BTXM đoạn từ rẫy ông Bình đến đất ông Nghịch	Xã Sơn Hiệp	2023	2.000	2.000	2.000			
20	Xây dựng trung tâm văn hóa - thể thao xã Sơn Hiệp	Xã Sơn Hiệp	2023	3.000	3.000	3.000			
21	Nối tiếp đường BTXM đi khu sản xuất Suối Hai, thôn Ka Tô	Xã Ba Cùm Nam	2023	1.000	1.000	1.000			
22	Nối tiếp đường BTXM từ Suối Me đi khu sản xuất Suối Lau	Xã Ba Cùm Nam	2023	1.000	1.000	1.000			
23	Xây dựng tuyến đường từ tỉnh lộ 9 đi khu sản xuất thôn Tha Mang	Xã Ba Cùm Bắc	2023	1.000	1.000	1.000			
24	Xây dựng tuyến đường nối tiếp từ hồ nước nhà ông Bang đi khu sản xuất xóm 10 thôn Tha Mang	Xã Ba Cùm Bắc	2023	1.000	1.000	1.000			
25	Sân thể thao Nhà cộng đồng thôn A Thi, xã Ba Cùm Bắc	Xã Ba Cùm Bắc	2023	2.000	2.000	2.000			
26	Nối tiếp đường BTXM vào khu sản xuất thôn Chi Chay xã Sơn Trung	Xã Sơn Trung	2023	1.000	1.000	1.000			
27	Đường BTXM vào KSX nghĩa địa thôn Chi Chay	Xã Sơn Trung	2023	1.000	1.000	1.000			
28	Nối tiếp đường BTXM vào KSX TDP Hạp Cường	Thị trấn Tô Hạp	2023	1.500	1.500	1.500			
29	Đường BTXM đi KSX và dân sinh TDP Hạp Phú	Thị trấn Tô Hạp	2023	500	500	500			
30	Xây dựng nhà cộng đồng thôn Dốc Gạo, thị trấn Tô Hạp	Thị trấn Tô Hạp	2023	1.600	1.600	1.600			
31	Kè chống sạt lở từ đất bà Mầu Thị Bày đến đất ông Cao Hồng Xuyên	Xã Sơn Bình	2023	1.000	1.000	1.000			
32	Nối tiếp đường BTXM đường vào đồng ruộng Xóm Cò đến Cầu Suối Sóc	Xã Sơn Bình	2023	1.000	1.000	1.000			
33	Đường BTXM từ nhà bà Cao Thị Khiển đi KSX thôn Tà Giang 1	Xã Thành Sơn	2024	2.000	2.000	2.000			
34	Nâng cấp đường BTXM từ ngã 3 thôn Ko Róa đi ra suối xã Sơn Lâm	Xã Sơn Lâm	2024	2.000	2.000	2.000			
35	Đường từ rẫy ông Mai thôn Xà Bói đi thôn Hòn Dung, giai đoạn 2	Xã Sơn Hiệp	2024	2.000	2.000	2.000			

S T T	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Dự kiến phân bổ kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025				
					Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		
							Tổng số	NS tỉnh	NS huyện
36	Nâng cấp tuyến đường từ nhà bà Cao Thị Yến đi khu sản xuất thôn A Thị	Xã Ba Cùm Bắc	2024	800	800	800			
37	Sân thể thao Nhà cộng đồng thôn Suối Đá. xã Ba Cùm Bắc	Xã Ba Cùm Bắc	2024	2.000	2.000	2.000			
38	Đường BTXM vào khu sản xuất Suối Đầu bò GĐ1	Xã Ba Cùm Nam	2024	2.000	2.000	2.000			
39	Nhà Văn hóa xã Ba Cùm Nam	Xã Ba Cùm Nam	2024	2.400	2.400	2.400			
40	XD Nhà vệ sinh - khu thể thao thôn Suối Me	Xã Ba Cùm Nam	2024	1.200	1.200	1.200			
41	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM liên xã đến nhà ông Mậu Chuẩn (thôn Ma O) xã Sơn Trung	Xã Sơn Trung	2024	1.000	1.000	1.000			
42	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM liên xã đến nhà ông Cao Huy đến Cao Địa (thôn Ma O) xã Sơn Trung	Xã Sơn Trung	2024	1.000	1.000	1.000			
43	Nối tiếp đường BTXM đường vào đồng ruộng Xóm Cò đến khu sản xuất xóm 6	Xã Sơn Bình	2024	1.000	1.000	1.000			
44	Đường BTXM từ nhà VH thôn Xóm Cò đến nhà Cao Hùng	Xã Sơn Bình	2024	1.000	1.000	1.000			
45	Nâng cấp, cải tạo nhà cộng đồng thôn Tà Lương, thị trấn Tô Hạp	Thị trấn Tô Hạp	2024	1.000	1.000	1.000			
46	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM vào khu 7 hộ thôn Dốc Gạo, thị trấn Tô Hạp	Thị trấn Tô Hạp	2024	2.000	2.000	2.000			
47	Đường BTXM từ nhà Ô Cao Trường B đi KSX thôn Apa 1, xã Thành Sơn	Xã Thành Sơn	2025	1.000	1.000	1.000			
48	Nối tiếp đường BTXM thôn Tà Giang 2 đi KSX tập đoàn 7	Xã Thành Sơn	2025	1.000	1.000	1.000			
49	Nâng cấp đường BTXM thôn Ha Nít xã Sơn Lâm (Đoạn từ rẫy ông Xá vào khu sản xuất)	xã Sơn Lâm	2025	2.000	2.000	2.000			
50	Đường BTXM thôn Liên Hiệp	Xã Sơn Hiệp	2025	2.000	2.000	2.000			
51	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM xóm 8 thôn Ma O	Xã Sơn Trung	2025	1.000	1.000	1.000			
52	Đường BTXM vào KSX KNó (Thôn Chi Chay) xã Sơn Trung	Xã Sơn Trung	2025	1.000	1.000	1.000			
53	Nối tiếp đường BTXM từ Suối Me đi khu sản xuất Suối Lau	Xã Ba Cùm Nam	2025	2.000	2.000	2.000			
54	Đường vào khu sản xuất từ đất ông Mậu Nhân đến đất Mậu Quốc Dân	Xã Sơn Bình	2025	1.000	1.000	379	621	621	
55	Đường BTXM từ nhà ông Huệ đi khu sản xuất thôn Cò lác	Xã Sơn Bình	2025	1.000	1.000		1.000	1.000	
56	Đường BTXM nối thôn Tà Lương với thôn Dốc Gạo, thị trấn Tô Hạp	Thị trấn Tô Hạp	2025	2.000	2.000		2.000	2.000	
2.3	Huyện Cam Lâm				22.969	20.001	2.968	2.100	868
2.3.1	<i>Đường đến trung tâm xã</i>								
	Đường giao thông từ huyện đến trung tâm xã Sơn Tân (đoạn đường từ xã Cam Tân - Sơn Tân)	Xã Sơn Tân	2022-2023	9.212	9.212	9.212			
2.3.2	Nâng cấp chợ Tân Lập xã Cam Phước Tây	Xã Cam Phước Tây	2025	757	757	757			
2.3.3	<i>Đầu tư cơ sở hạ tầng xã ĐBK, thôn ĐBK</i>								
1	Nâng cấp đường từ rẫy ông Xê vào khu sản xuất thôn Suối Cốc	Xã Sơn Tân	2022	1.000	1.000	1.000			
2	Sửa chữa đường từ nhà bà Năm ngã ba thôn VaLy đến nhà máy nước	Xã Sơn Tân	2022	1.000	1.000	1.000			

S T T	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Dự kiến phân bổ kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025				
					Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		
							Tổng số	NS tỉnh	NS huyện
3	Cổng tường rào nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Suối Lau 3	Thôn Suối Lau 3 Xã Suối Cát	2022	300	300	300			
4	Cổng tường rào nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Văn Sơn	Thôn Văn Sơn Xã Cam Phước Tây	2022-2023	300	300	300			
5	Sửa chữa đường vào khu sản xuất thôn Suối Lau 3	Thôn Suối Lau 3 Xã Suối Cát	2023	600	600	600			
6	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Valy	Xã Sơn Tân	2023	1.500	1.500	1.500			
7	Nâng cấp đường từ Ngã ba vào đến Cầu thôn Văn Sơn	Thôn Văn Sơn Xã Cam Phước Tây	2023	300	300	300			
8	Đường từ nhà bà Mầu Thị Cảnh đến nhà ông Cao Văn Hiếu	Thôn Văn Sơn Xã Cam Phước Tây	2023	300	300	300			
9	Cải tạo, nâng cấp nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Suối Cốc	Xã Sơn Tân	2023	1.500	1.500	1.500			
10	Sửa chữa đường nội bộ khu dân cư thôn Suối Cốc	Xã Sơn Tân	2024	1.000	1.000	1.000			
11	Sửa chữa đường từ Trung tâm văn hoá xã đến nhà máy nước	Xã Sơn Tân	2024	1.000	1.000	1.000			
12	Nâng cấp đường từ rẫy ông Xê vào khu sản xuất thôn Suối Cốc nổi dài	Xã Sơn Tân	2024	1.000	1.000	1.000			
13	Sửa chữa đường từ nhà ông Cao Thanh Liễu đến nhà ông Cao Minh Quý	Thôn Suối Lau 3 Xã Suối Cát	2024	600	600	232	368	368	
14	Đoạn đường từ nhà ông Bo Văn Tùng đến nhà ông Cao Văn Đầu	Thôn Văn Sơn Xã Cam Phước Tây	2025	600	600		600	600	
15	Nâng cấp đường từ nhà máy nước đến khu sản xuất thôn VaLy nổi dài	Xã Sơn Tân	2025	1.000	1.000		1.000	1.000	
16	Sửa chữa đường từ nhà bà Năm ngã ba thôn VaLy đến nhà máy nước nổi dài	Xã Sơn Tân	2025	1.000	1.000		1.000	132	868
2.4	Huyện Diên Khánh				2.832	2.462	370	260	110
1	Đường vào khu sản xuất xã Diên Tân (đoạn tiếp giáp với khu sản úi đồng ruộng đến hạ lưu hồ Láng Nhót.)	Thôn Đá Mài. Xã Diên Tân	2022-2023	1.200	1.200	1.200			
2	Đường vào đồng ruộng thôn Lỗ Gia (giai đoạn 2)	Thôn Lỗ Gia. Xã Suối Tiên	2023	300	300	300			
3	Lắp đặt ống cấp nước tưới cho vùng ruộng 4,3 ha thôn Đá Mài	Thôn Đá Mài. Xã Diên Tân	2023	300	300	300			
4	Kênh mương tiêu đồng ruộng Lô Rông - đoạn 3	Thôn Lỗ Gia. Xã Suối Tiên	2024	300	300	300			
5	Nâng cấp, sửa chữa kênh tưới đồng ruộng dân tộc (vùng ruộng ông Kinh, ông Tý)	Thôn Lỗ Gia, Xã Suối Tiên	2024	300	300	300			

S T T	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Dự kiến phân bổ kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025				
					Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		
							Tổng số	NS tỉnh	NS huyện
6	Nâng cấp sửa chữa đường thôn Lỗ Gia (đoạn từ cây đa đến nhà ông Cao Đàm)	Thôn Lỗ Gia, Xã Suối Tiên	2025	432	432	62	370	260	110
2.5	Thị xã Ninh Hòa				9.155	7.961	1.194	835	359
2.5.1	<i>Đầu tư xây dựng, nâng cấp chợ</i>								
1	Xây mới chợ thôn Suối Sâu	Xã Ninh Tân	2023	4.140	4.140	4.140			
2	Nâng cấp chợ thôn Trung I	Xã Ninh Tân	2024	757	757	757			
2.5.2	<i>Đầu tư cơ sở hạ tầng thôn ĐBK</i>								
1	Đường BTXM đi từ nhà ông Hải đi Suối Tre thôn Suối Mít, xã Ninh Tây	Thôn Suối Mít, Xã Ninh Tây	2.022	900	900	900			
2	Đường BTXM đoạn từ nhà ông Cao Ta Gân đến cuối đường nhà ông Bàn Đức Thắng thôn Sông Bung, xã Ninh Tây	Thôn Sông Bung, Xã Ninh Tây	2022	450	450	450			
3	Xây dựng công tường rào, sân, nhà vệ sinh, hệ thống nước nhà sinh hoạt cộng đồng tại thôn Buôn Sim, xã Ninh Tây	Thôn Buôn Sim, Xã Ninh Tây	2022-2023	450	450	450			
4	Đường BTXM đi từ nhà ông Cao Đất đi Suối Chinh thôn Suối Mít, xã Ninh Tây	Thôn Suối Mít, Xã Ninh Tây	2023	600	600	600			
5	Đường BTXM đoạn từ nhà ông Cao Thần đến nhà ông Cao Văn Á thôn Sông Bung, xã Ninh Tây	Thôn Sông Bung, Xã Ninh Tây	2024	450	450	450			
6	Đường BTXM từ nhà ông Cao Thần đến Phan Đức Công	Thôn Sông Bung, Xã Ninh Tây	2024	600	600	214	386	386	
7	Đường BTXM từ nhà bà Lương Thị Hồng Thắm đến nhà ông Nguyễn Dòn	Thôn Buôn Sim, Xã Ninh Tây	2025	808	808		808	449	359
2.6	Thành phố Cam Ranh				757	657	100	70	30
	Nâng cấp chợ xã Cam Phước Đông	Xã Cam Phước Đông	2023	757	757	657	100	70	30
3	Chưa phân bổ				26.486	2.150	24.336	15.929	8.407
III	Dự án 5 - Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở vật chất cho các trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh				40.791	35.471	5.320	5.320	
1	<i>Trường Phổ thông DTNT tỉnh</i>		2022-2024	15.876	15.876	13.805	2.071	2.071	
1.1	Bổ sung, nâng cấp, cải tạo sửa chữa phòng học và phòng bộ môn Trường PTDTNT tỉnh			6.808	6.808	5.920	888	888	
1.2	Bổ sung, nâng cấp nhà sinh hoạt, giáo dục văn hóa dân tộc			1.087	1.087	945	142	142	

S T T	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Dự kiến phân bổ kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025				
					Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		
							Tổng số	NS tỉnh	NS huyện
1.3	Bổ sung, nâng cấp sửa chữa khu nội trú cho học sinh Trường PTDTNT tỉnh			5.236	5.236	4.554	682	682	
1.4	Bổ sung phòng công vụ cho giáo viên Trường PTDTNT tỉnh			175	175	152	23	23	
1.5	Nâng cấp, sửa chữa nhà ăn + nhà bếp Trường PTDTNT tỉnh			698	698	607	91	91	
1.6	Nâng cấp sửa chữa công trình vệ sinh, nước sạch Trường PTDTNT tỉnh			1.087	1.087	945	142	142	
1.7	Nâng cấp sửa chữa nhà kho Trường PTDTNT tỉnh			543	543	472	71	71	
1.8	Nâng cấp sửa chữa các công trình phụ trợ khác Trường PTDTNT tỉnh			242	242	210	32	32	
2	Trường phổ thông DTNT huyện Khánh Vĩnh		2022-2024	9.340	9.340	8.122	1.218	1.218	
2.1	Bổ sung, nâng cấp, cải tạo sửa chữa phòng học và phòng bộ môn Trường PTDTNT Khánh Vĩnh			8.622	8.622	7.498	1.124	1.124	
2.2	Bổ sung phòng công vụ cho giáo viên Trường PTDTNT Khánh Vĩnh			175	175	152	23	23	
2.3	Nâng cấp sửa chữa công trình vệ sinh, nước sạch			543	543	472	71	71	
3	Trường Phổ thông DTNT huyện Khánh Sơn		2023	1.048	1.048	911	137	137	
	Bổ sung phòng ở nội trú Trường PTDTNT Khánh Sơn			1.048	1.048	911	137	137	
4	Chưa phân bổ			14.527	14.527	12.633	1.894	1.894	
IV	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch				39.094	33.995	5.099	3.646	1.453
	<i>Phân bổ cho các sở, ngành</i>				1.955	1.700	255	255	
	<i>Phân bổ cho các địa phương</i>				37.139	32.295	4.844	3.391	1.453
1	Huyện Khánh Vĩnh				13.240	11.513	1.727	1.209	518
	- Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn vùng đồng bào DTTS & MN		2022-2024	4.618	4.618	4.015	603	422	181
	- Xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào DTTS		2023	476	476	414	62	43	19
	- Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số;			4.073	4.073	3.542	531	372	159
	- Hỗ trợ xây dựng mô hình bảo tàng sinh thái DTTS Tr'in huyện Khánh Vĩnh			4.073	4.073	3.542	531	372	159
2	Huyện Khánh Sơn				12.560	10.922	1.638	1.147	491
	- Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào DTTS & MN		2022-2024	3.938	3.938	3.424	514	360	154
	- Xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào DTTS	Xã Sơn Hiệp	2023	476	476	414	62	43	19

S T T	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Dự kiến phân bổ kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025				
					Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		
							Tổng số	NS tỉnh	NS huyện
	- Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng văn hóa truyền thống tiêu biểu của các DTTS			4.073	4.073	3.542	531	372	159
	- Hỗ trợ xây dựng mô hình bảo tàng sinh thái DTTS Raglay huyện Khánh Sơn			4.073	4.073	3.542	531	372	159
3	<i>Huyện Cam Lâm</i>			815	815	709	106	74	32
	- Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào DTTS & MN		2022-2023	815	815	709	106	74	32
4	<i>Huyện Diên Khánh</i>			271	271	236	35	25	10
	- Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào DTTS & MN		2022	271	271	236	35	25	10
5	<i>Thị xã Ninh Hòa</i>			952	952	827	125	87	38
	- Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào DTTS & MN		2022-2023	952	952	827	125	87	38
	- Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng văn hóa truyền thống tiêu biểu của các DTTS			4.073	4.073	3.542	531	372	159
	- Hỗ trợ xây dựng mô hình bảo tàng sinh thái DTTS Êđê thị xã Ninh Hòa			4.073	4.073	3.542	531	372	159
6	<i>Thành phố Cam Ranh</i>			1.155	1.155	1.004	151	105	46
	- Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào DTTS & MN		2022-2023	679	679	590	89	62	27
	- Xây dựng mô hình điểm đến du lịch cộng đồng trải nghiệm	Cam Phước Đông	2022	476	476	414	62	43	19
V	Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 10: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng ĐBDTTS&MN				10.791	9.383	1.408	1.091	317
1	Phân bổ cho các sở, ngành				2.698	2.346	352	352	
2	Phân bổ cho các địa phương				8.093	7.037	1.056	739	317
	- Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào DTTS ứng dụng công nghệ thông tin tại UBND cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự	Xã khu vực III, thôn ĐBK	2022-2025	5.750	5.750	5.000	750	525	225
	- Hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng DTTS&MN		2022-2025	2.343	2.343	2.037	306	214	92

Phụ lục 2

PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIẾU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH KHÁNH HOÀ NĂM 2022

DVT: Triệu đồng

S T T	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Dự kiến phân bổ kế hoạch vốn năm 2022				
					Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		
							Tổng số	NS tỉnh	NS huyện
	TỔNG SỐ				73.171	63.627	9.544	7.144	2.400
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt				6.237	5.423	814	570	244
	Phân bổ vốn cho các địa phương								
1	Hỗ trợ nhà ở				1.980	1.721	259	182	77
	- Hỗ trợ nhà ở huyện Khánh Vĩnh	Huyện Khánh Vĩnh	2022-2025	3.984	315	274	41	29	12
	- Hỗ trợ nhà ở huyện Khánh Sơn	Huyện Khánh Sơn	2022-2025	8.950	44	38	6	4	2
	- Hỗ trợ nhà ở huyện Cam Lâm	Huyện Cam Lâm	2022-2025	929	458	398	60	42	18
	- Hỗ trợ nhà ở huyện Diên Khánh	Huyện Diên Khánh	2022-2025	132	61	53	8	6	2
	- Hỗ trợ nhà ở thị xã Ninh Hòa	TX Ninh Hòa	2022-2025	639	237	206	31	22	9
	- Hỗ trợ nhà ở thành phố Cam Ranh	Tp Cam Ranh	2022-2025	2.312	865	752	113	79	34
2	Hỗ trợ nước sinh hoạt				4.257	3.702	555	388	167
2.1	Huyện Khánh Vĩnh								
	- Mở rộng Hệ thống cấp nước thôn Bắc Sông Giang	Xã Khánh Trung	2022-2023	3.869	1.935	1.683	252	176	76
2.2	Huyện Khánh Sơn								
	- Đầu tư nối mạng nước sinh hoạt khép kín các khu dân cư	Xã Sơn Bình	2022	2.322	2.322	2.019	303	212	91
II	Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4: Đầu tư CSHT thiết yếu, phục vụ sản xuất đời sống trong vùng đồng bào DTTS				50.594	43.995	6.599	4.759	1.840

Ca

S T T	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Dự kiến phân bổ kế hoạch vốn năm 2022				
					Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		
							Tổng số	NS tỉnh	NS huyện
1	Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành				3.421	2.975	446	446	
	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa Trạm Y tế xã		2022- 2024	14.346	3.421	2.975	446	446	
2	Phân bổ vốn cho các địa phương				47.173	41.020	6.153	4.313	1.840
2.1	Huyện Khánh Vĩnh				24.150	21.000	3.150	2.207	943
1	Đường rẽ nhánh Khánh Lê - Lâm Đồng, điem từ tràn đến rẫy ông Hà Choang	Xã Giang Ly	2022	2.000	2.000	2.000			
2	Đường vào khu sản xuất từ đầu cầu Gia Lổ đến rẫy ông Hà Vương, xã Sơn Thái	Xã Sơn Thái	2022	1.000	1.000	1.000			
3	Đường vào khu sản xuất từ rẫy ông Hà Văn đến rẫy ông Đinh Xuân Hường	Thôn Bồ Lang, xã Sơn Thái	2022	1.000	1.000	1.000			
4	Đường sản xuất thôn Tà Mơ 1 (Đoạn Tà Mơ 2 giáp đường Khánh Thành đi thị trấn)	Xã Khánh Thành	2022	1.000	1.000	1.000			
5	Đường vào khu sản xuất từ đất ông Cao Văn Nuôi đến đất ông Cao Văn Hường	Xã Khánh Trung	2022	1.050	1.050	1.050			
6	Nâng cấp, sửa chữa đường vào khu sản xuất Suối A Pan	Xã Cầu Bà	2022	1.000	1.000	1.000			
7	Nâng cấp, sửa chữa đường vào khu sản xuất Suối Asay	Xã Cầu Bà	2022	1.000	1.000	1.000			
8	Đường vào khu sản xuất Suối Gọp, xã Liên Sang	Xã Liên Sang	2022	2.000	2.000	2.000			
9	Tiếp tuyến đường từ bãi rác vào khu sản xuất kho cối	Xã Khánh Thượng	2022	1.100	1.100	1.100			
10	Tuyến đường từ nhà ông Hà Bón đến nhà ông Cao Nghem, xã Khánh Thượng	Xã Khánh Thượng	2022	1.000	1.000	1.000			
11	Tuyến đường từ ngã 3 đất ông Vũ Quang Minh vào khu sản xuất (đốc gù) đến đất bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết, xã Khánh Nam	Xã Khánh Nam	2022	2.000	2.000	2.000			
12	Tuyến B2 tuyến đường từ nhà ông Trần Trọng Tài đến đất ông Cao Văn Huy thôn Ba Căng (B2), xã Khánh Hiệp	Xã Khánh Hiệp	2022	1.000	1.000	1.000			
13	Đường từ ông Xi Ngân đi Xi Gia thôn Nước Nhĩ, xã Khánh Phú	Xã Khánh Phú	2022	1.000	1.000	1.000			
14	Bê tông hóa đường Cao Chua đi ông Chính	Xã Khánh Phú	2022	1.000	1.000	1.000			
15	Đường vào khu sản xuất Bến Khế từ nhà ông Mang Mẩn đến rẫy ông Nguyễn Ngọc Phan, xã Khánh Bình	Xã Khánh Bình	2022	1.200	1.200	1.200			

S T T	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Dự kiến phân bổ kế hoạch vốn năm 2022				
					Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		
							Tổng số	NS tỉnh	NS huyện
16	Đường vào khu sản xuất Bến Lẽ từ rẫy ông Nguyễn Đình Hiếu đến rẫy ông Cao Văn Luyện, xã Khánh Bình.	Xã Khánh Bình	2022	1.200	1.200	1.200			
17	Sửa chữa, nâng cấp đường bê tông từ nhà ông Việt đến nhà ông Tiến, tổ 3, Thị trấn Khánh Vĩnh	Tổ 3, TT Khánh Vĩnh	2022	820	820	820			
18	Sửa chữa, nâng cấp đường từ rẫy ông Huỳnh đi khu sản xuất, tổ 5. Thị trấn Khánh Vĩnh	Tổ 5, TT Khánh Vĩnh	2022	1.120	1.120	630	490	490	
19	Đường vào khu sản xuất Suối Gia Lổ từ hộ ông Mười đến hộ ông Duy	Xã Sơn Thái	2022	1.000	1.000		1.000	1.000	
20	Đường khu dân cư Giồng Cạo thôn Tà Mỡ, xã Khánh Thành	Xã Khánh Thành	2022	1.000	1.000		1.000	717	283
20	Đường vào khu sản xuất từ hộ ông Hà Thương đến hộ ông Cao Ri Sơn	Xã Sơn Thái	2022- 2023	1.000	660		660		660
2.2	Huyện Khánh Sơn				16.274	14.151	2.123	1.487	636
1	Đường BTXM thôn Apa 1 đi khu sản xuất	Xã Thành Sơn	2022	1.000	1.000	1.000			
2	Nối tiếp Đường BTXM từ nhà cộng đồng Apa 1 đi khu sản xuất	Xã Thành Sơn	2022	1.000	1.000	1.000			
3	Nâng cấp đường BTXM thôn Ha Hít, xã Sơn Lâm (Đoạn từ nhà ông Võ Tiên Hoàng đến nhà ông Tài)	Xã Sơn Lâm	2022	1.000	1.000	1.000			
4	Nâng cấp, mở rộng trục đường chính thôn Du Oai, xã Sơn Lâm (Đoạn từ nhà ông Tú đến nhà ông Cao Đình)	Xã Sơn Lâm	2022	1.000	1.000	1.000			
5	Sửa chữa phòng học trường mầm non Vành Khuyên	Xã Sơn Bình	2022	1.000	1.000	1.000			
6	Đường vào khu sản xuất từ rẫy Bà Tro Thị Hiền Đến rẫy bà Cao Thị Danh	Xã Sơn Bình	2022	1.000	1.000	1.000			
7	Đường từ rẫy ông Bình đi khu cánh đồng Tà Gụ	Xã Sơn Hiệp	2022	1.000	1.000	1.000			
8	Nối tiếp Đường BTXM thôn Hòn Dung	Xã Sơn Hiệp	2022	1.000	1.000	1.000			
9	Làm đường BTXM vào KSX nghĩa địa thôn Chi Chay	Xã Sơn Trung	2022	1.000	1.000	1.000			
10	Làm đường BTXM từ bãi rác đến rẫy ông Tùng thôn Ma O xã Sơn Trung	Xã Sơn Trung	2022	1.000	1.000	1.000			
11	Nối tiếp đường BTXM khu 21 hộ đến trần Ông Lũng	Thị trấn Tô Hạp	2022	800	800	800			
12	Đường BTXM từ Bia khảo cổ Dốc Gạo vào khu sản xuất, dân sinh	Thị trấn Tô Hạp	2022	1.200	1.200	1.200			
13	Nối tiếp từ suối Lò Ô đi khu sản xuất xóm 4 thôn Dốc Trầu	Xã Ba Cùm Bắc	2022	1.000	1.000	1.000			
14	Nối tiếp tuyến đường từ xóm 14 đi khu sản xuất thôn A Thi, xã Ba Cùm Bắc	Xã Ba Cùm Bắc	2022	1.000	1.000	1.000			
15	Nâng cấp đường BTXM từ rẫy ông Dũng Bút đến ngã ba thôn Hòn Gầm	Xã Ba Cùm Nam	2022	1.000	1.000	151	849	849	

S T T	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Dự kiến phân bổ kế hoạch vốn năm 2022				
					Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		
							Tổng số	NS tỉnh	NS huyện
16	Kè chống sạt lở thôn Tà Giang 1	Xã Thành Sơn	2022- 2023	2.000	1.274		1.274	638	636
2.3	Huyện Cam Lâm				4.342	3.776	566	398	168
2.3.1	Đường đến trung tâm xã								
	Đường giao thông từ huyện đến trung tâm xã Sơn Tân (đoạn đường từ xã Cam Tân - Sơn Tân)	Xã Sơn Tân	2022- 2023	9.212	1.882	1.882			
2.3.2	Đầu tư cơ sở hạ tầng các xã ĐBK, thôn ĐBK								
1	Nâng cấp đường từ rẫy ông Xê vào khu sản xuất thôn Suối Cốc	Xã Sơn Tân	2022	1.000	1.000	1.000			
2	Sửa chữa đường từ nhà bà Năm ngã ba thôn VaLy đến nhà máy nước	Xã Sơn Tân	2022	1.000	1.000	894	106	106	
3	Cổng tường rào nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Suối Lau 3	Thôn Suối Lau 3, xã Suối Cát	2022	300	300		300	292	8
4	Cổng tường rào nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Văn Sơn	Thôn Văn Sơn, xã Cam Phước Tây	2022- 2023	300	160		160		160
2.4	Huyện Diên Khánh				679	590	89	63	26
1	Đường vào khu sản xuất xã Diên Tân (đoạn tiếp giáp với khu sản xuất đồng ruộng đến hạ lưu hồ Láng Nhót.)	Thôn Đá Mài, xã Diên Tân	2022- 2023	1.200	679	590	89	63	26
2.5	Thị xã Ninh Hòa				1.728	1.503	225	158	67
1	Đường BTXM đi từ nhà ông Hải đi Suối Tre thôn Suối Mít, xã Ninh Tây	Thôn Suối Mít, xã Ninh Tây	2022	900	900	900			
2	Đường BTXM đoạn từ nhà ông Cao Ta Gân đến cuối đường nhà ông Bàn Đức Thắng thôn Sông Bung, xã Ninh Tây	Thôn Sông Bung Xã Ninh Tây	2022	450	450	450			
3	Xây dựng cổng tường rào, sân, nhà vệ sinh, hệ thống nước nhà sinh hoạt cộng đồng tại thôn Buôn Sim, xã Ninh Tây	Thôn Buôn Sim Xã Ninh Tây	2022- 2023	450	378	153	225	158	67
III	Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 5: Đầu tư cơ sở vật chất cho các trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh				7.343	6.385	958	958	
I	Phân bổ cho Sở Giáo dục và Đào tạo				4.645	4.038	607	607	
	Trường Phổ thông DTNT tỉnh (Bổ sung, nâng cấp, cải tạo sửa chữa phòng học và phòng bộ môn; Bổ sung, nâng cấp sửa chữa khu nội trú cho học sinh)	Trường PTDTNT tỉnh	2022- 2024	15.876	4.645	4.038	607	607	



S T T	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Dự kiến phân bổ kế hoạch vốn năm 2022				
					Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		
							Tổng số	NS tỉnh	NS huyện
2	Phân bổ cho các địa phương				907	789	118	118	
	Trường Phổ thông DTNT Khánh Vĩnh (Nâng cấp, cải tạo sửa chữa phòng học và phòng bộ môn)	Trường PTDTNT Khánh Vĩnh	2022-2024	9.340	907	789	118	118	
3	Chưa phân bổ				1.791	1.558	233	233	
IV	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch				7.054	6.135	919	660	259
1	Phân bổ cho các địa phương				6.701	5.828	873	614	259
1.1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao	Thôn vùng DTTS và miền núi			6.244	5.431	813	572	241
	- Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao huyện Khánh Vĩnh	24 thôn	2022-2024	4.618	3.259	2.834	425	298	127
	- Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao huyện Khánh Sơn	14 thôn	2022-2024	3.938	1.901	1.653	248	174	74
	- Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao huyện Cam Lâm	02 thôn	2022-2023	815	271	236	35	25	10
	- Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao huyện Diên Khánh	3 thôn	2022	271	271	236	35	25	10
	- Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao thị xã Ninh Hòa	4 thôn	2022-2023	952	271	236	35	25	10
	- Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao thành phố Cam Ranh	5 thôn	2022-2023	679	271	236	35	25	10
1.2	Xây dựng mô hình điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào dân tộc thiểu số thành phố Cam Ranh	Xã Cam Phước Đông	2022	476	457	397	60	42	18
2	Chưa phân bổ				353	307	46	46	
V	Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 10: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng ĐBDTTS&MN				1.943	1.689	254	197	57
	Chưa phân bổ				1.943	1.689	254	197	57